



QUY CHẾ

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số : QC.CBTT-BIS.01

Lần Ban hành : 01

Ngày hiệu lực : 14/11/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIS

Tài liệu này thuộc quyền sở hữu của BIS. Mọi hành vi sao chép, phân phối, sử dụng Tài liệu này khi chưa được sự đồng ý của Công ty đều là hành vi vi phạm pháp luật

	QUY CHẾ	Mã số: QC.CBTT-BIS.01
	CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần BH: 01 (14/11/2024) Số trang 1/11

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành theo Quyết định số ...¹⁴.../2024/QĐ.CTHĐQT-BIS ngày ¹⁴ tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán BIS)

MỤC LỤC	Trang
CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	2
CHƯƠNG II. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	3
CHƯƠNG III: XỬ LÝ THÔNG TIN CÔNG BỐ	10
Chương IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	11

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIS

THÁNG 11 NĂM 2024

	QUY CHẾ	Mã số: QC.CBTT-BIS.01
	CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần BH: 01 (14/11/2024) Số trang 2/11

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quy chế này quy định và hướng dẫn việc công bố thông tin tại Công ty Cổ phần chứng khoán BIS ("BIS").
- Quy chế này áp dụng cho việc thực hiện công bố thông tin theo quy định của BIS.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và các từ viết tắt

- Thông tư 96 : Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về việc Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
- Thông tư 68 : Thông tư 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
- CBTT : Công bố thông tin
- BIS/Công ty : Công ty Cổ phần Chứng khoán BIS
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- P.KSNB : Phòng Kiểm soát nội bộ
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- SGDCK : Sở giao dịch chứng khoán

Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin

- Việc CBTT phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật.
Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm số Căn cước/Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử theo quy định, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.
- Chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, BIS phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
- Thực hiện CBTT trên trang thông tin điện tử (website) của BIS đồng thời gửi đầy đủ các thông tin công bố đến UBCKNN, SGDCK. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này và các đối tượng CBTT không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công bố thông tin.
- Người thực hiện CBTT của BIS là Người đại diện theo pháp luật – Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người được Người đại diện theo Pháp luật ủy quyền.
- BIS có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định sau:

	QUY CHẾ	Mã số: QC.CBTT-BIS.01
	CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần BH: 01 (14/11/2024) Số trang 3/11

- a. Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 (mười) năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;
- b. Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của BIS tối thiểu là 05 năm.
6. Ngôn ngữ thông tin công bố là Tiếng Việt. Trường hợp công bố thông tin bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh thì nội dung thông tin công bố bằng tiếng Anh chỉ có tính tham khảo.

Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin

1. Người thực hiện CBTT của BIS là Người đại diện theo pháp luật hoặc là người được ủy quyền thực hiện CBTT trong trường hợp Người đại diện theo pháp luật vắng mặt. Trong trường hợp ủy quyền, Người đại diện theo pháp luật của công ty vẫn phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về nội dung thông tin do Người được ủy quyền công bố thông tin công bố.
2. BIS phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện CBTT cho UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện CBTT có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện CBTT bao gồm: Giấy ủy quyền CBTT theo mẫu tại Phụ lục I và Bản cung cấp thông tin theo mẫu tại Phụ lục III quy định tại Thông tư.

Điều 5. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin

1. BIS thực hiện CBTT trên trang thông tin điện tử (website), hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán, phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán.
2. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, BIS thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.
3. BIS không phải gửi bản giấy để báo cáo UBCKNN, SGDCK trong trường hợp các tài liệu đã được thực hiện công bố trên tất cả các phương tiện báo cáo, công bố theo quy định và đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về văn bản điện tử.

Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Trong trường hợp việc CBTT không thể thực hiện đúng thời hạn do những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. BIS phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.
2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, BIS có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG II. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 7. Công bố thông tin định kỳ

	QUY CHẾ	Mã số: QC.CBTT-BIS.01
	CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần BH: 01 (14/11/2024) Số trang 4/11

1. Báo cáo tài chính
 - a. BIS phải công bố Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho công ty, theo nguyên tắc sau:
 - Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;
 - BIS phải CBTT báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính.
 - Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được CBTT trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
 - b. BIS phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán, theo nguyên tắc sau:
 - Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán "Báo cáo tài chính giữa niên độ", trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của công ty, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.
 - Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của BIS trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.
 - Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét phải được CBTT trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.
 - c. BIS phải công bố báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có), theo nguyên tắc sau:
 - Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán "Báo cáo tài chính giữa niên độ", được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.
 - Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét có kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.
 - Báo cáo tài chính quý phải được CBTT trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý và trong thời hạn 05 ngày đối với báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý.
 - d. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều này, công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân (trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty) khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.

	QUY CHẾ	Mã số: QC.CBTT-BIS.01
	CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần BH: 01 (14/11/2024) Số trang 5/11

- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại.
- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

2. Báo cáo thường niên

- a. Báo cáo thường niên phải lập theo mẫu quy định tại Phụ lục IV Thông tư 96 và công bố báo cáo này trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- b. Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

3. Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/6 đã được soát xét và tại ngày 31/12 đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận cùng thời điểm với việc công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét và báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

4. CBTT về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

- a. Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn, BIS phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty, UBCKNN và SGDCK về việc họp ĐHĐCĐ, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp ĐHĐCĐ phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có).
- b. Biên bản họp, nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố trong thời hạn 24 giờ kể từ khi được thông qua.

5. Báo cáo tình hình quản trị công ty

BIS phải CBTT về báo cáo tình hình quản trị công ty theo mẫu quy định tại Phụ lục V Thông tư 96 trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

Điều 8. Công bố thông tin bất thường

- 1. BIS phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
 - a. Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này.
 - b. Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động.

	QUY CHẾ	Mã số: QC.CBTT-BIS.01
	CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần BH: 01 (14/11/2024) Số trang 6/11

- c. Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của ĐHĐCĐ, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.
- d. Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán.
- e. Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.
- f. Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
- g. Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký.
- h. Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;
- i. Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty.
- j. Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:
 - Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán.
 - Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.
 - Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông; BIS mua cổ phiếu của chính mình để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ, công ty CBTT trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT.

	QUY CHẾ	Mã số: QC.CBTT-BIS.01
	CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần BH: 01 (14/11/2024) Số trang 7/11

- k. Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời, công ty gửi cho UBCKNN, SGDCK Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96.
 - l. Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp BIS là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất.
 - m. Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty.
 - n. Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.
 - o. Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.
 - p. Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó.
 - q. Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty.
 - r. Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại SGDCK nước ngoài.
 - s. Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ.
 - t. Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp BIS là công ty mẹ).
 - u. Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).
2. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).
 3. CBTT về hợp ĐHĐCĐ bất thường hoặc thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:
 - a. Việc CBTT về hợp ĐHĐCĐ bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 7 của Quy chế này.
 - b. Trường hợp lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ không quy định thời hạn khác dài hơn, BIS thực hiện công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.
 4. CBTT liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu
 - a. Công ty CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này.

	QUY CHẾ	Mã số: QC.CBTT-BIS.01
	CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần BH: 01 (14/11/2024) Số trang 8/11

- b. Công ty CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.
5. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, công ty phải CBTT về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Quy chế này.
6. CBTT trong các trường hợp đặc biệt khác
Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.
7. Khi nhận được quyết định của UBCKNN về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với công ty, chi nhánh, người hành nghề chứng khoán của công ty, chi nhánh; Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) bị tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán có thời hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán.
8. Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự liên quan đến người hành nghề chứng khoán của công ty, chi nhánh.
9. Khi nhận được quyết định của UBCKNN về việc đặt công ty vào diện cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt hoặc đưa ra khỏi diện cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt; đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động hoặc chấm dứt tình trạng đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động.
10. Khi nhận được quyết định của UBCKNN chấp thuận việc thành lập, đóng cửa, thay đổi tên, địa điểm chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện ở trong nước hoặc nước ngoài; thay đổi nghiệp vụ kinh doanh tại chi nhánh; thành lập công ty con ở nước ngoài; việc đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.
11. Khi nhận được quyết định của UBCKNN chấp thuận việc thực hiện cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán hoặc cung cấp dịch vụ cho vay chứng khoán; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán; lưu ký chứng khoán; bù trừ và thanh toán chứng khoán; các dịch vụ trên thị trường chứng khoán phái sinh.
12. Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về chào bán và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài.
13. Khi hoàn tất các giao dịch chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp để trở thành cổ đông, thành viên góp vốn nắm giữ từ 10% trở lên vốn điều lệ đã góp của công ty chứng khoán không phải là công ty đại chúng; các giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp chiếm từ 10% trở lên vốn điều lệ hoặc giao dịch dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cổ đông, thành viên

	QUY CHẾ	Mã số: QC.CBTT-BIS.01
	CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần BH: 01 (14/11/2024) Số trang 9/11

góp vốn vượt qua hoặc xuống dưới các mức sở hữu 10%, 25%, 50%, 75% vốn điều lệ của công ty quản lý quỹ không phải là công ty đại chúng.

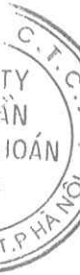
14. Khi BIS tự nguyện chấm dứt, ngừng cung cấp một trong các sản phẩm, dịch vụ, nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán.
15. Khi BIS bị sự cố công nghệ thông tin làm ảnh hưởng đến việc thực hiện giao dịch chứng khoán cho khách hàng..

Điều 9. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. BIS phải CBTT trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK khi có thông tin liên quan đến công ty, chi nhánh ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.
2. Nội dung thông tin công bố quy định tại khoản 1 Điều này phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân, mức độ xác thực của sự kiện đó và giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 10. Công bố thông tin khác

1. BIS phải CBTT hoạt động trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN và 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp ít nhất 30 ngày trước ngày dự kiến chính thức hoạt động.
2. BIS thực hiện CBTT tại trụ sở chính, các chi nhánh, phòng giao dịch và đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty về các nội dung liên quan đến phương thức giao dịch, đặt lệnh, ký quỹ giao dịch, thời gian thanh toán, phí giao dịch, các dịch vụ cung cấp và danh sách những người hành nghề chứng khoán của công ty. Trường hợp cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ, công ty phải thông báo các điều kiện cung cấp dịch vụ, bao gồm yêu cầu về tỷ lệ ký quỹ, lãi suất vay, thời hạn vay, phương thức thực hiện lệnh gọi ký quỹ bổ sung, danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ.
3. Khi thực hiện lệnh bán giải chấp chứng khoán ký quỹ hoặc bán chứng khoán cầm cố của khách hàng là người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của BIS. Sau khi giao dịch được thực hiện, BIS phải thông báo về kết quả giao dịch cho khách hàng chậm nhất vào cuối ngày giao dịch để khách hàng thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định.
4. Nếu BIS là tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm phải thực hiện nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật về chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm.
5. Ngoài các quy định nêu tại khoản 1, 2, 3, và 4 Điều này, BIS phải tuân thủ các nghĩa vụ công bố thông tin khác theo quy định tại Điều 13 của Thông tư 96 và quy định pháp luật về thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán.
6. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức không thực hiện mua lại cổ phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 9a Thông tư số 120/2020/TT-BTC, công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức thực hiện đặt lệnh giao dịch phải CBTT trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam đồng thời CBTT trên trang thông tin điện tử của công ty về giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức theo



	QUY CHẾ	Mã số: QC.CBTT-BIS.01
	CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần BH: 01 (14/11/2024) Số trang 10/11

mẫu quy định tại Phụ lục XVII của Thông tư 68 trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức không thực hiện mua lại cổ phiếu theo quy định.”

7. Trường hợp BIS là người có liên quan của người nội bộ của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc quỹ đại chúng niêm yết, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc chứng chỉ quỹ niêm yết, công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.
8. Trường hợp BIS là người có liên quan của người nội bộ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch, BIS phải CBTT và báo cáo UBCKNN, SGDCK và thông báo cho tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch khi giá trị giao dịch trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá, bao gồm trường hợp chuyển quyền sở hữu ngoài hệ thống giao dịch chứng khoán theo Phụ lục XVIII theo Thông tư 68 trong thời hạn 24 giờ kể từ các thời điểm sau đây:
 - a) Hoàn tất việc thanh toán giao dịch trường hợp nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức đặt lệnh mua cổ phiếu thiếu tiền thanh toán (Quy định tại khoản 2 Điều 35a Thông tư số 119/2020/TT-BTC);
 - b) Hoàn tất việc bán cổ phiếu liên quan đến trường hợp nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức giao dịch mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh (Quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 9a Thông tư số 120/2020/TT-BTC).

CHƯƠNG III: XỬ LÝ THÔNG TIN CÔNG BỐ

Điều 11. Trách nhiệm công bố thông tin

1. Người đại diện theo Pháp luật hoặc người được ủy quyền¹ là người chịu trách nhiệm thực hiện CBTT với UBCKNN, SGDCK và các cơ quan hữu quan khác.
2. Phòng Kiểm soát nội bộ là đơn vị có trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ, tài liệu liên quan đến các vấn đề mà BIS phải thực hiện CBTT trình Người đại diện theo pháp luật/Người được ủy quyền thực hiện CBTT xem xét và phê duyệt.
3. Phòng Công nghệ thông tin chịu trách nhiệm đăng tải các thông tin cần CBTT theo đề nghị của phòng Kiểm soát nội bộ lên trang thông tin điện tử của BIS và đảm bảo việc lưu trữ theo quy định tại điều 13

Điều 12. Phối hợp truyền tải thông tin trong nội bộ

1. Đối với các thông tin thuộc CBTT định kỳ, các Đơn vị có liên quan chủ động cung cấp hồ sơ, tài liệu cho P.KSNB chậm nhất là 03 trước khi đến hạn cuối mà Công ty phải công bố theo quy định.
2. Đối với các thông tin thuộc CBTT bất thường, khác, theo yêu cầu (nếu có): Hồ sơ, tài liệu do các Đơn vị có liên quan gửi về P.KSNB phải là bản chính để P.KSNB thực hiện đối chiếu, kiểm tra thông tin.

Điều 13. Lưu trữ

P.KSNB thực hiện lưu trữ các hồ sơ đã được CBTT theo thời gian quy định tại điểm a khoản 5 điều 3 của Quy chế này.

	QUY CHẾ	Mã số: QC.CBTT-BIS.01
	CÔNG BỐ THÔNG TIN	Lần BH: 01 (14/11/2024) Số trang 11/11

Chương IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Điều khoản thi hành

- Quy chế có hiệu lực kể từ ngày ký quyết định ban hành.
- Trong quá trình thực hiện, nếu có những quy định mới hoặc có các nội dung chưa được quy định tại Quy chế này hoặc có các nội dung không còn hiệu lực thì công ty sẽ thực hiện việc công bố thông tin trên cơ sở quy định của Điều lệ công ty và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung

- Phòng KSNB có trách nhiệm rà soát định kỳ Quy chế này và đề xuất các sửa đổi, bổ sung và thay thế khi cần thiết.
- Việc sửa đổi bổ sung Quy chế này do Chủ tịch HĐQT phê duyệt.